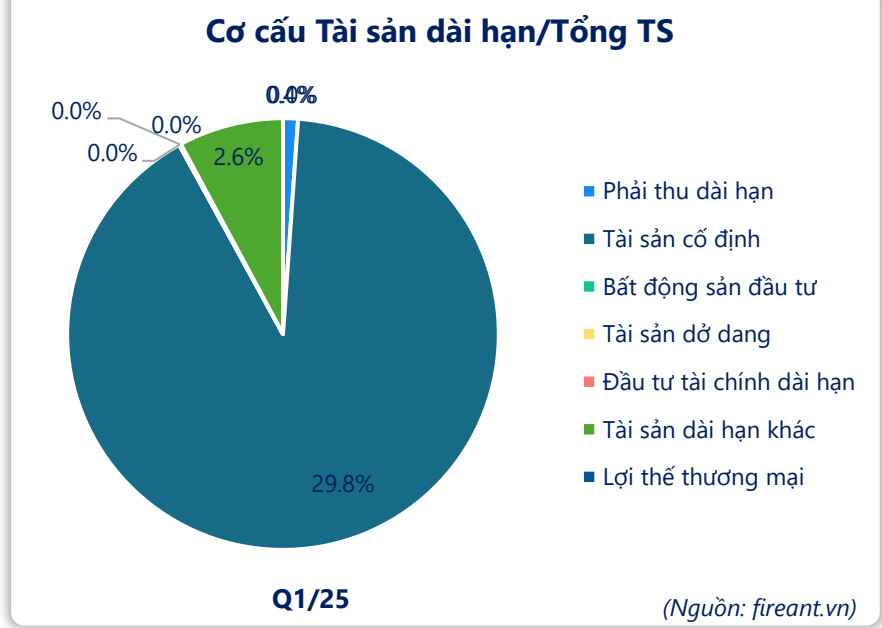
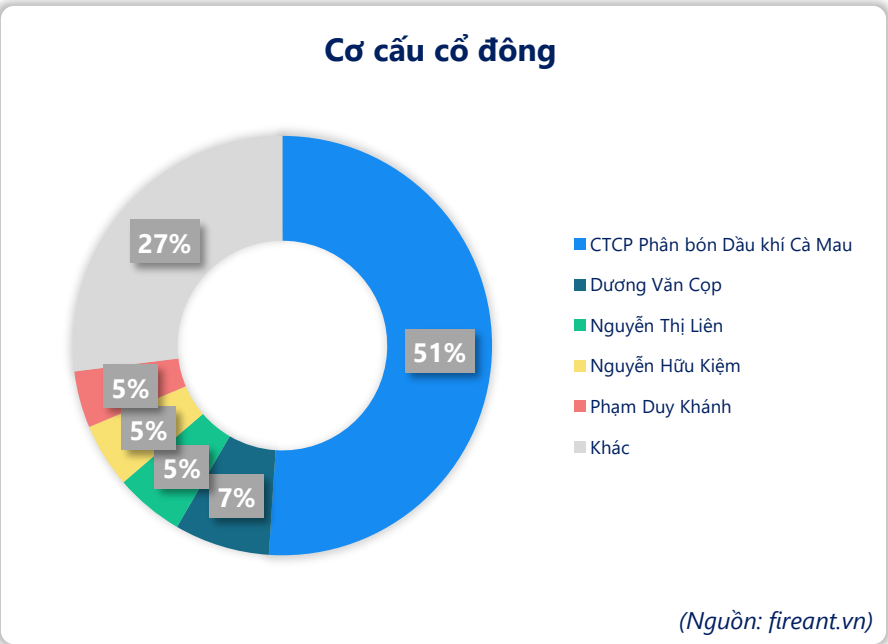
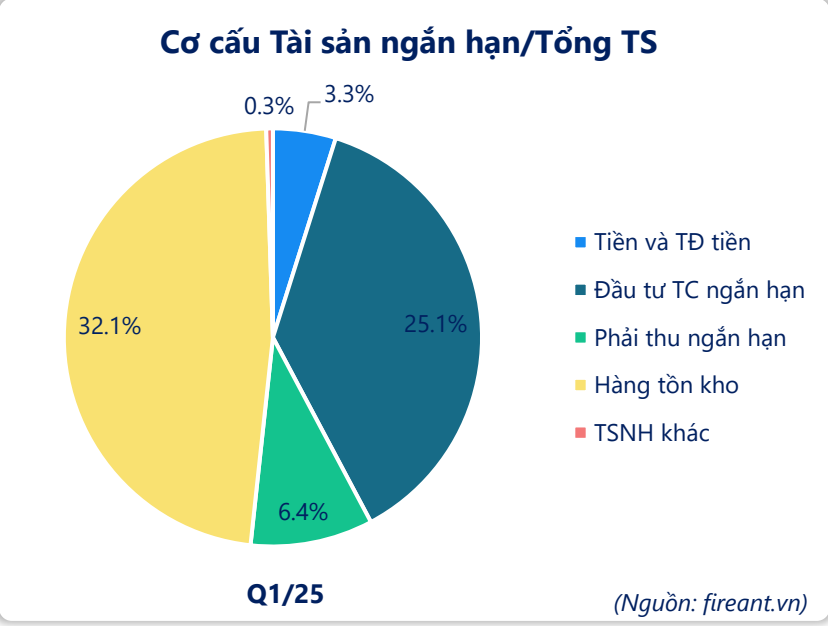
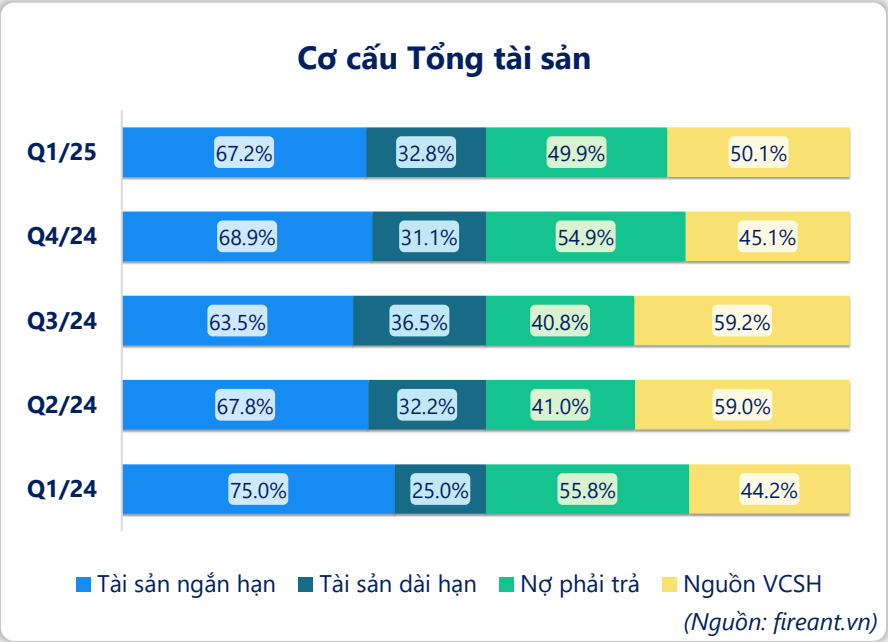
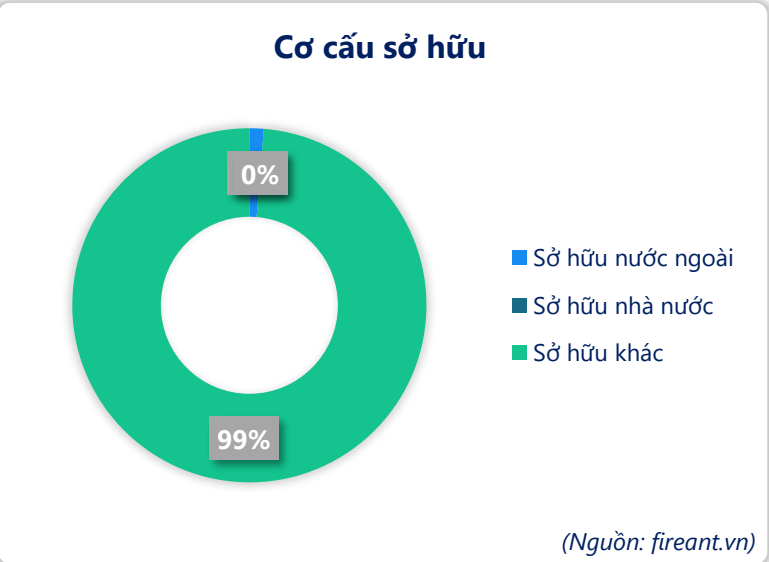
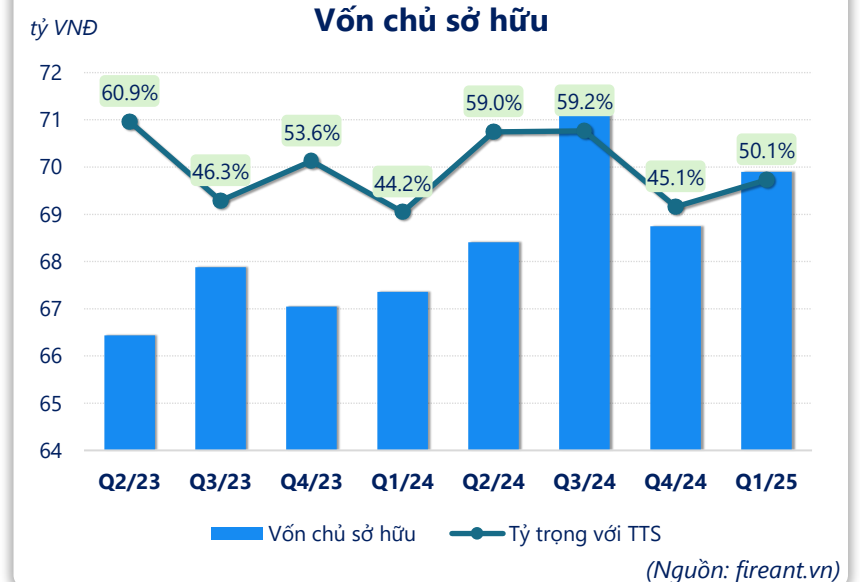
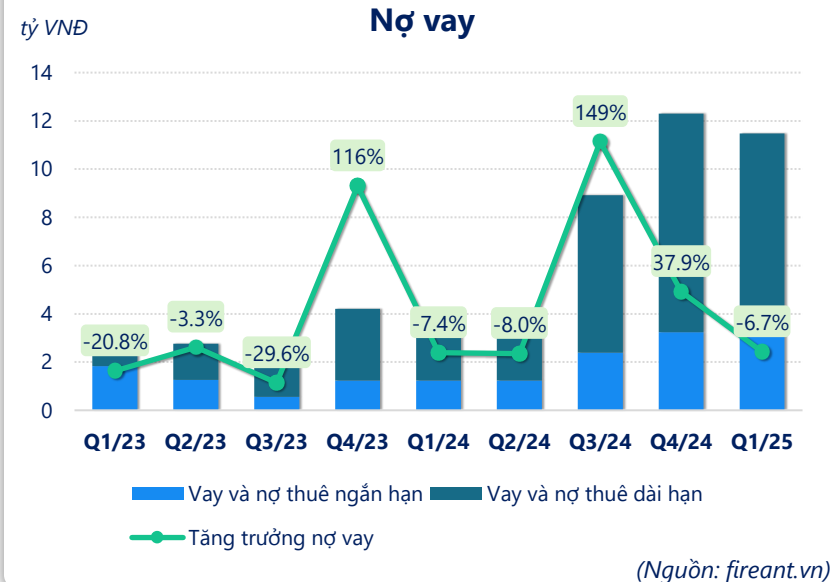
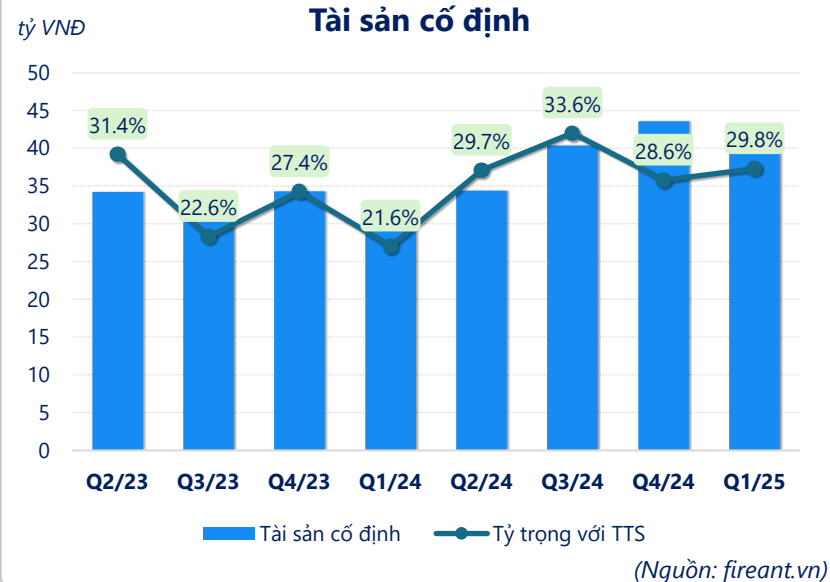
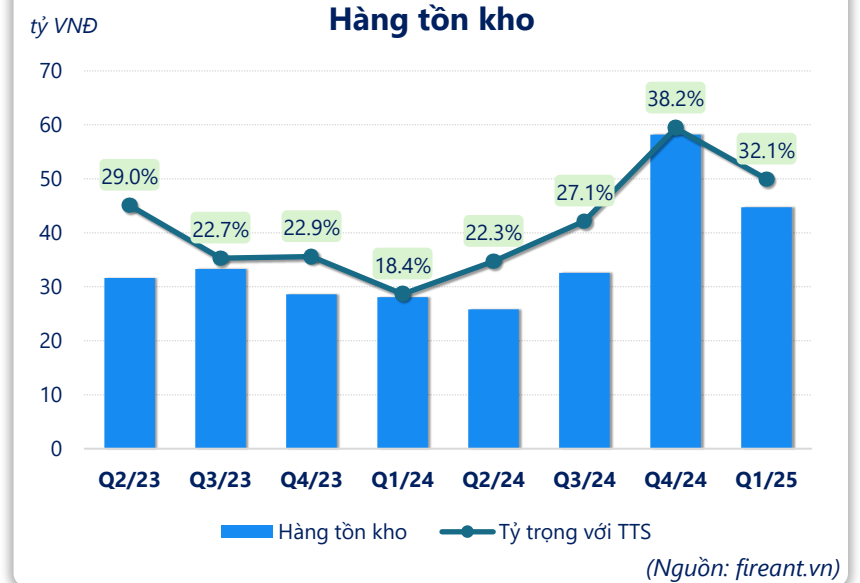
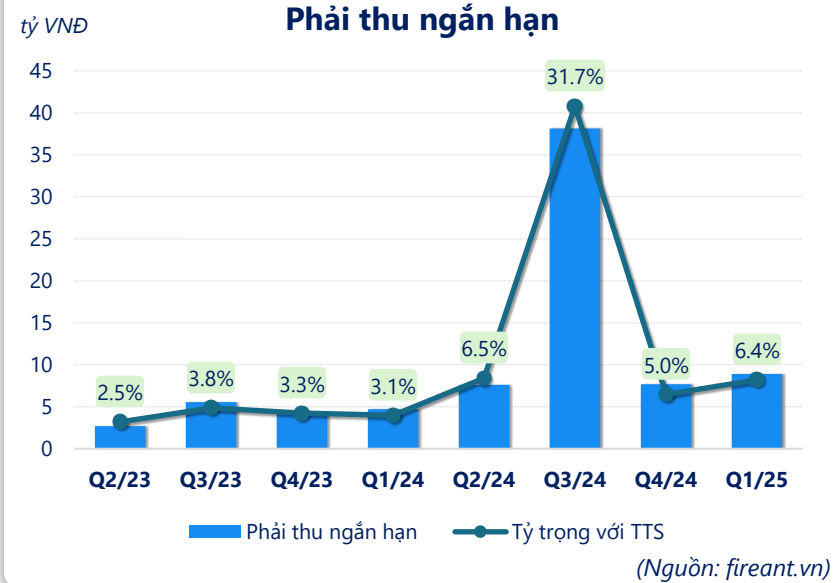
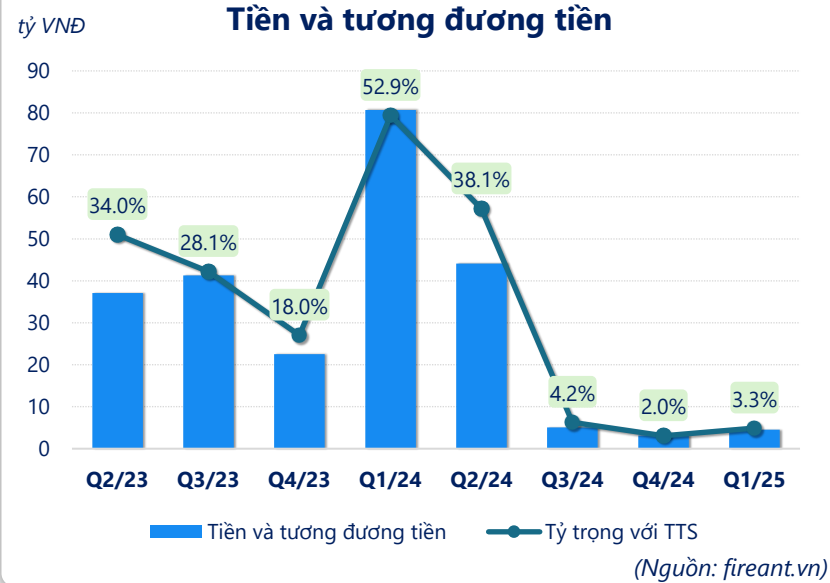
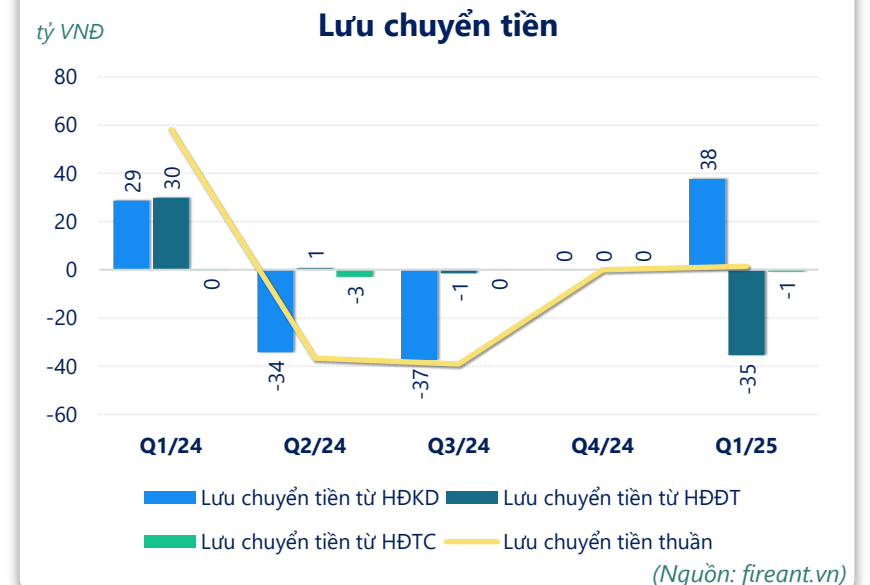
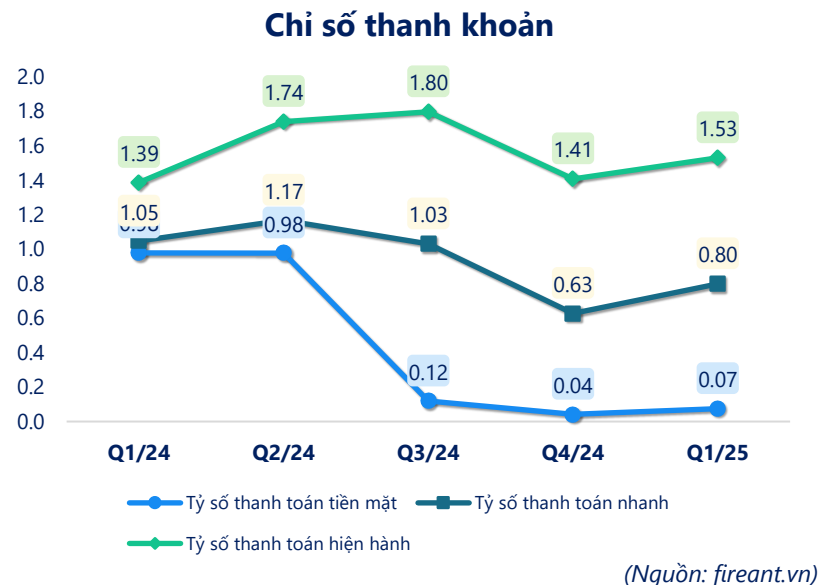
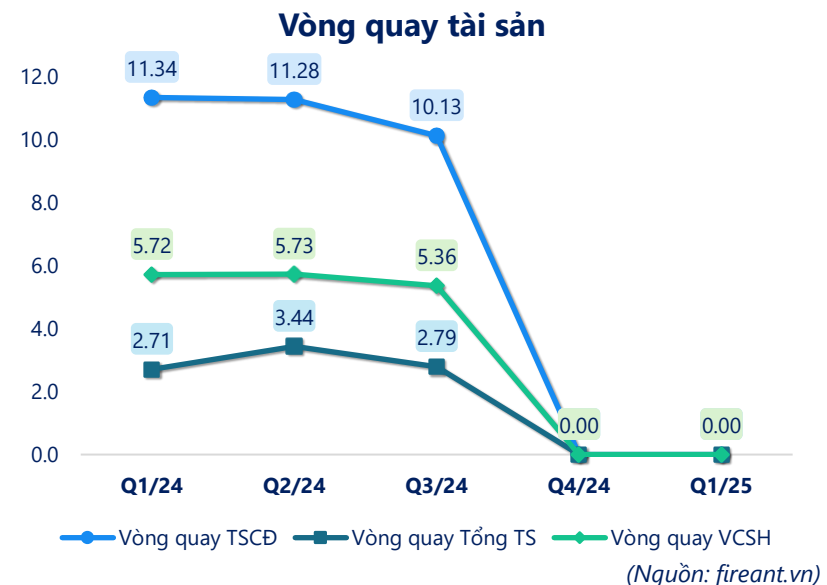
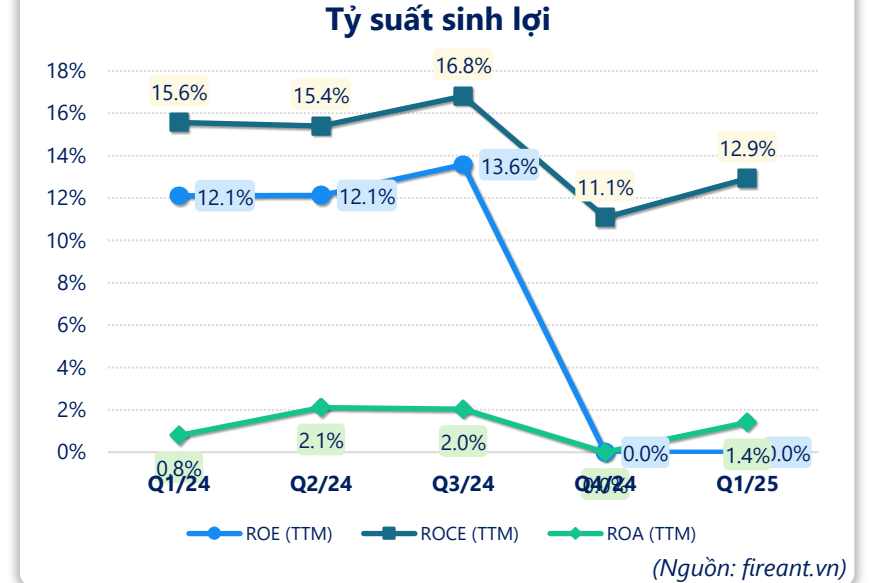
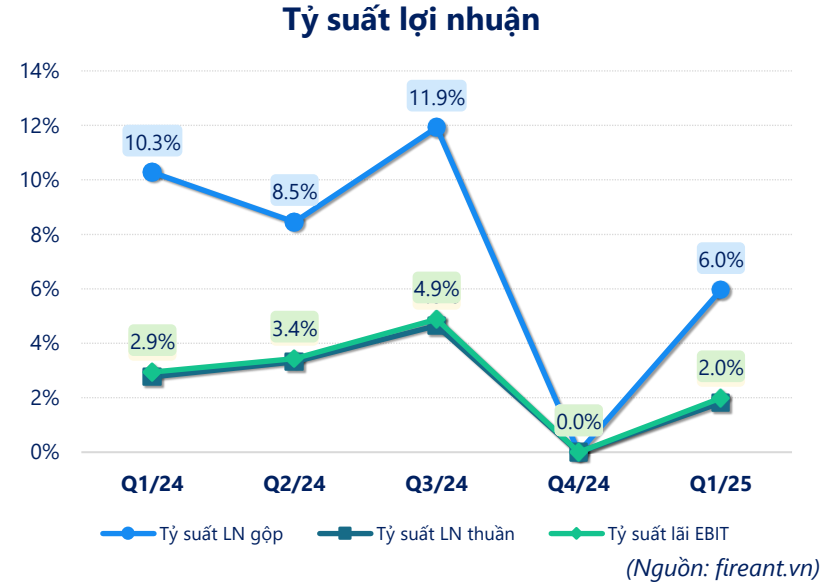
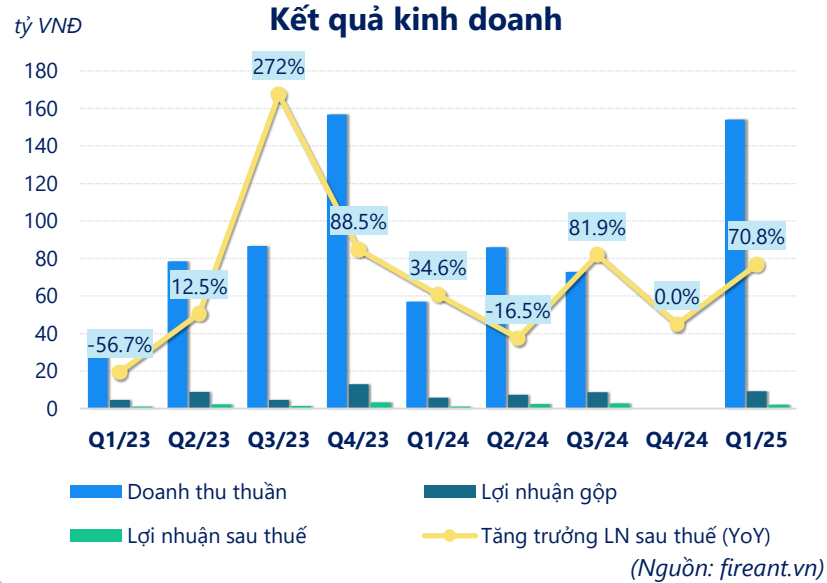


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,949
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,745
SL cổ phiếu LH		4,799,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,910
% sở hữu nước ngoài		1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		61
P/E		
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
PBP	-1.6%	0.0%	-4.5%	-4.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	139	152	-8.5%
Tài sản ngắn hạn	93.7	105	-10.7%
Tiền và tương đương tiền	4.56	3.12	46.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.0	35.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	8.88	7.66	16.0%
Hàng tồn kho	44.7	58.2	-23.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.48	0.95	-49.6%
Tài sản dài hạn	45.7	47.4	-3.6%
Phải thu dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Tài sản cố định	41.6	43.6	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.06	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.59	3.33	8.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	69.5	83.6	-16.8%
Nợ ngắn hạn	61.2	74.5	-17.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.20	3.24	-1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.1	14.3	103%
Nợ dài hạn	8.27	9.06	-8.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.27	9.06	-8.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	69.9	68.7	1.7%
Vốn chủ sở hữu	69.9	68.7	1.7%
Vốn điều lệ	48.0	48.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	56.9	86.0	72.9		154
Giá vốn hàng bán	51.1	78.7	64.2		145
Lợi nhuận gộp	5.85	7.27	8.69		9.18
Doanh thu HĐTC	0.32	0.46	0.14		0.04
Chi phí TC	0.10	0.10	0.15		0.21
Chi phí lãi vay	0.10	0.10	0.15		0.21
LN trong công ty LKLD	0	0	0		0
Chi phí bán hàng	1.37	1.34	1.46		2.00
Chi phí QLDN	3.12	3.43	3.83		4.21
LN thuần từ HĐKD	1.58	2.86	3.38		2.80
Lợi nhuận khác	0	0	0.02		0.05
LN trước thuế	1.58	2.86	3.41		2.85
Lợi nhuận sau thuế	1.11	2.37	2.71		2.05
LNST của CĐ cty mẹ	1.11	2.37	2.71		2.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.6	-34.3	-37.4	0	37.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.9	0.69	-1.49	0	-35.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.31	-3.00	-0.19	0	-0.82
Tiền đầu kỳ	22.5	80.7	44.1	0	3.12
Lưu chuyển tiền thuần	58.1	-36.6	-39.1	0	1.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	80.7	44.1	5.03	0	4.56

(Nguồn: fireant.vn)